

CHƯƠNG 41.

Paris. Tôi ưa thích căn phòng của mình, một khoảng chu vi 9 thước vuông nằm khiêm nhường trên căn lầu tư của một tòa nhà lớn gần Gare de Lyon, thuộc quận 12 Paris. Màn cửa màu xanh đậm, bờ tường màu trắng, đơn sơ lạnh lẽo nhưng thân mật tuyệt luân.

“Quần tử tri giao đàm nhược thủy”

(Người quần tử giao tình với nhau lạt như nước).

Bàn đọc sách ở đầu giường ngủ, cái giá nhạc và cây đàn vĩ cầm nằm lặng im trong góc. Căn phòng không có lò sưởi, phô bày thật rõ dáng cách đơn lẻ của nó. Màu trắng nhạt nhòa của bờ tường và màu xanh màn cửa đối chọi nhau sâu sắc. Hình như có một vết nứt làm banh cả da thịt, nhưng không thấy chảy máu? Đàng xa, qua cánh cửa sổ, những cuộn khói từ các đầu máy xe lửa bốc lên mờ mịt trong làn sương xám.

Mỗi đêm từ quán café trở về, tôi vẫn có thói quen thức khuya, ngồi nơi bàn viết nhìn qua khung cửa sổ, nghe ngóng thời gian trôi đi và ngẫm nghĩ về những điều xảy ra chung quanh mình.

“U cư sâu cực hốt truy hoan” (Ở chốn buồn quá bỗng hóa vui), điều này tôi vẫn tự nhủ; nhưng nó càng hiện thực hơn trong một căn phòng ma quái lạnh lẽo vào lúc nửa đêm về sáng ở Paris.

Một lúc nào, mẹ tôi đã nói: “Thời buổi này mà con sống như một người đang ở ẩn. Thật tội nghiệp!” (Trong giọng nói có đượm đầy xót xa ái ngại.)

Tôi “ở ẩn” được chứ? Tại sao không? Đâu ai nữ cấm tôi đêm thâu ngồi khoác chăn rách, nghe mưa rụng dưới giàn bầu và ngẫm hoài huy một bài thơ bốn câu?

Ôi! Bài thơ ngâm thiếu một giọng! Buồn thay!

□

Sàigòn, tháng 12/1978.

**/ Theo Sứ Trần Trọng Kim, hai trăm năm xưa NGUYỄN VĂN THÀNH nguyên là người Thừa Thiên, tướng mạo khôi ngô, văn hay võ giỏi, ít nói nhưng nhiều mưu kế.*

**/ Ông theo Nguyễn Ánh vào Gia Định đã hai, ba đời, từ khi chúa Nguyễn mới khởi binh chống Tây Sơn,*

**/ Lúc đầu bại trận, ông vẫn tiếp tục bước rày đây mai đó với Nguyễn Ánh, khi chạy qua Xiêm, khi lênh đênh ngoài biển, chịu hết mọi đường khổ sở.*

**/ Khi quân lương đầy đủ, ông giúp chúa Nguyễn lấy lại thành Gia Định, rồi đánh thắng phe Tây Sơn ngoài Qui Nhơn, lập được nhiều công lập được nhiều công lớn. từ Nam đến Bắc, đứng đầu hàng các công thần.*

**/ Lúc Gia Long lên ngôi, ông được phong làm Tổng trấn Bắc Hà, xếp đặt mọi việc. + Chỉ có mấy năm mà đất Bắc Hà được yên trị.*

*/ Sau ông về Kinh lãnh chức Trung Quán.

*/ Ông là người có học thức cho nên triều đình cử làm Tổng Tài việc làm sách luật và quốc sử.

*/ Nguyễn Văn Thành có người con tên Nguyễn Văn Thuyên thi đậu cử nhân, thường hay làm thơ và giao du với các văn sĩ.

*/ Bấy giờ nghe người ở Thanh Hóa là Nguyễn Văn Khuê, Nguyễn Đức Nhuận có tiếng hay chữ, Văn Thuyên làm bài thơ sai tên Nguyễn Trương Hiệu cầm đi mời vào chơi.

*/ Bài thơ rằng:

Văn đạo Ai châu đa tuần kiệt
Hư hoài trắc tịch đục cầu ty
Vô tâm cứu bão Kinh sơn phác
Thiện tướng phương tri Ký bắc kỳ
U cốc hữu hương thiên lý viễn
Cao cương minh phượng cứu thiên tri
Thư hồi nhược đặc sơn trung tế
Tá ngã kinh luân chuyển hóa kỳ.

+ Dịch Nôm là:

Ái châu nghe nói lắm người hay
Ao ước câu hiền đã bấy nay
Ngọc phác Kinh sơn tài sẵn đó
Ngựa kỳ Ký bắc biết lâu thay
Mùi hương hang tối xa nghìn dặm
Tiếng phượng gò cao suốt chín mây
Sơn tế phen này dù gặp gỡ
Giúp nhau xoay đổi hội cơ này.

*/ Tương bài thơ chẳng qua là lời lẽ ngông cuồng của người thiếu niên thôi, không ngờ tên Hiệu đưa cho Nguyễn Hữu Nghi xem. + Hữu Nghi xui tên Hiệu đi cáo với Lê Văn Duyệt. + Bấy giờ triều thần có nhiều người kể tội Nguyễn Văn Thành.

*/ Một hôm bãi triều xong, Nguyễn Văn Thành chạy theo nắm lấy áo vua mà kêu khóc rằng: "Thần theo Bệ hạ từ thuở nhỏ đến giờ, nay không có tội gì mà bị người ta cấu xé, Bệ hạ nỡ lòng nào ngồi nhìn để người ta giết thần mà không cứu?"

+ Vua Gia Long giắt áo bỏ đi vào cung, rồi từ đó cảm không cho Nguyễn Văn Thành vào chầu nữa, lại sai Lê Văn Duyệt đem con của Nguyễn Văn Thành ra tra hỏi, bắt phải nhận tội. + Nguyễn Văn Thành sợ tội, uống thuốc độc mà chết. + Còn Nguyễn Văn Thuyên thì phải bị chém đầu.

*/ Theo PÉTRUS KÝ trong quyển Histoire Annamite thì Nguyễn Văn Thành bị Minh Mạng giết khoảng 1821-1822 chứ không phải Gia Long.

*/ Minh Mạng thấy hai ông đại thần có công lớn là Lê Văn Duyệt và Nguyễn Văn Thành hay cản trở trong những quyết định của mình nên muốn trừ diệt. + Vua cho người bắt chước lối chữ của Nguyễn Văn Thuyên (con Nguyễn Văn Thành), viết một bức thư giả có đóng dấu của Nguyễn Văn Thành gửi từ Bắc Kỳ vào Huế, kêu gọi chống đối nhà vua.

+ Minh Mạng cho gọi Tổng trấn Bắc Hà Nguyễn Văn Thành vào Huế, đưa bức thư đó cho xem. Nguyễn Văn Thành nhận đúng chữ của con và dấu ấn của mình. + Minh Mạng kết án hai cha con Nguyễn Văn Thành phải tự vẫn.

+ Lê Văn Duyệt có mặt ở buổi chiều, biết là Nguyễn Văn Thành bị vua âm mưu làm hại, nên lo sợ cho bản thân, khi về nhà tìm ấn triện thì không thấy. + Tìm người có bốn phận giữ ấn thì thấy trong người hắn có một bức thư giả kêu gọi chống đối nhà vua, có đồng dấu của mình. + Lê Văn Duyệt giết chết tên hầu. + Hôm sau vào chiều xin Minh Mạng cho vào Gia Định để dẹp giặc, được Minh Mạng chấp thuận.

*/ Năm Tân Sửu (1841), Minh Mạng băng hà.

*/ Tháng Giêng Tân Sửu (1841), thái tử Miên Tông lên ngôi, đặt niên hiệu là Thiệu Trị. Vua là người hiền hòa. + Vừa lên ngôi, thấy vua cha làm điều oan ức cho Tả quân Lê Văn Duyệt nên ra lệnh hủy bỏ tấm bia ghi bản án, tháo xiềng xích, xuất tiền kho tu bổ phần mộ.

*/ Đến năm Tư Đức nguyên niên --tháng 10 Đinh Mùi (Nov. 1847)-
- quan Đông Các Đại Học Sĩ Võ Xuân Cẩn (thời Minh Mạng làm Tổng đốc Bình Phú) làm sớ tâu xin gia ân cho những công thần mắc tội là Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt và Lê Chất.

*/ Bài số (được Nguyễn Triệu lược dịch đăng trên báo Tri Tân số 131, ngày 24/2/1914 như sau):

"Chu Lễ có chép 8 điều bản xét để khoan kẻ có tội. Tả Truyện có lẽ mười đời được tha để đãi kẻ có công. Đó là cái ý đối với người Thiện thì yêu lâu dài, với kẻ Ác thì ghét ngắn ngủi: tỏ ra cái cách trung hậu vậy

Nhà nước ta từ hồi đầu trung hưng (Gia Long phục quốc) phạm những bậy tôi ra phò giúp, huân liệt rõ ràng, đều được đời đời tập tước, lòng tự miếu đình; còn đến người chỉ có một chút công nhỏ cũng đều sống được có vinh hạnh, chết có hiển hiệu. Cái điển lệ đến kẻ có công rất là ưu hậu

Tự chung bọn Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Lê Chất đều là gặp hội gió mây, theo vòng tên đạn, thân làm đại tướng, tước đến quận công. Khoảng năm Gia Long, Nguyễn Văn Thành vì không ngăn cấm được con, tức bực tự vẫn, về sau con cháu y lại vì cái án nghịch hàm theo đảng nguy mà phải bắt, bị giết lấy cả họ. Lê Văn Duyệt và Lê Chất, sau khi đã chết, án nặng mới phát ra, đều phải đoạt hết cả quan tước và làm tội đến cả những con cháu hãy còn. Cứ như cái án đã thành, tội không thể chối. Xét đến cái cơ mắc tội thì tình cũng nên thương. Bởi bọn họ đều là những người cục mịch, xuất thân từ nơi trận mạc, chỉ biết dấn thân đánh khỏe để lập chút công, chớ không biết học đạo khiêm cung để giữ lấy mình. Đến khi có công lao thì hờn, thân quý thì kiêu, nghĩ gì làm nấy, không tránh hành tích, nhân thế mà tự rước lấy những sự gièm pha, mà chuốc lấy tội lỗi. Đó cũng đều là bởi cơ không học cả. Xưa nay những võ thần mắc phải bệnh ấy thường thấy rất nhiều. Thần xem sử sách xưa, công thần nhà Đường như bọn Trương tôn Vô Kỵ, Lý Thế Tích, công thần nhà Lê như bọn Trần Nguyên Hãn, Lê Sát, Lê Ngân

hoặc vì con cháu hư hỏng, hoặc vì mình mắc án nặng, ban đầu phải tội hầu đến tuyền diệt nhưng rồi cũng lần lượt hoặc được phục lại quan tước, hoặc được lạt dùng con cháu. Ban đầu bắt tội là để giữ phép nước, về sau truy lạt là để tỏ ơn riêng: công với tội trừ vào nhau, ân và pháp cùng thi hành, hai đảng chưa từng trái nhau vậy.

Nay bọn Nguyễn Văn Thành (và Lê Văn Duyệt, Lê Chất), công và tội so với Lý Thế Tịch và Trần Nguyên Hãn cũng giống nhau. Nếu cho là đã mắc tội mà không truy lạt đến công thì chẳng hóa ra bọn họ gian nan trăm trận, thế mà đến nỗi bốn tân vất vương, lập lòe như ngọn lửa ma trời, chung quy làm con quý Mạc Ngao không người cúng tế? Tình hình ấy, tướng lòng Thánh thương không nở vậy. Cúi xin gia ơn đặc cách ban sắc xuống mà tra xét dòng dõi hiện còn lại của những người ấy, xem kẻ nào có thể dùng vào việc được thì tùy liệu mà ban cho một chút hàm nhỏ, kẻ nào không thể dùng được thì cũng miễn cho không phải làm lính tráng lao dịch suốt đời, để ở nhà giữ việc thờ cúng. Như vậy để tỏ điều trung hậu..."

*/ Vua Tự Đức xem bài sớ, lấy làm cảm động, bèn truy phong cho bọn Nguyễn Văn Thành.

+ Năm sau -Kỷ Dậu (1849) (Tự Đức thứ 2), kinh thành Huế đầy bệnh dịch khí. Vua Tự Đức xuống chiếu để cầu cách tiêu trừ tai họa. Các quan hai bên văn võ tất cả 32 người đồng dâng tấu xin rửa sạch tội xưa của Lê Văn Duyệt.

*

**

Những cơn gió gây nhuộm hơi sương làm không gian đột nhiên rét mướt đã nhắc cho tôi biết rằng mùa đông đang trở lại. Mùa đông của Sài Gòn –đôi với tôi- chỉ bắt đầu vào những ngày tiết trời đột nhiên trở lạnh và những cơn mưa dầm kéo dài từ tháng Tư không còn xuất hiện nữa.

Mùa đông cũng biểu tượng trên những chiếc lá me xanh ngắt rơi tới tấp xuống góc đường Gia Long & Nguyễn Trung Trực, nơi tôi vẫn có thói quen tìm đến ngồi trong một cái quán nhỏ uống ly *café* thật sớm mỗi lúc trở lại Sài Gòn. Cái thói quen từ khi còn đi học, đến bây giờ vẫn chưa bỏ. Một dấu tích của thuở nào rất đẹp mà tôi vẫn cứ muốn qua mặt thời gian để lưu lại trong cuộc đời mình.

Cốc-café-mùa-đông mang hương vị đậm đà hơn trong ý nghĩ khi tôi vừa được uống chất nước ngọt ngào vào trong máu, lại cũng vừa ngắm nhìn những chiếc lá me bay. Chiếc lá xinh xinh bé bỏng rớt vào cốc *café* đậm đặc chẳng khác nào một chút hy vọng màu xanh điểm vào cuộc đời tối đen chán ngắt!

*Khi chiếc lá xa cành,
Lá không còn màu xanh
Mà sao em xa anh,
Tình vẫn xanh vời vợi...*

Hồn thơ của Huy Du, một thi sĩ miền Bắc đã đi vào tâm thức tôi lúc nào không biết; để rồi cứ mỗi lần nhìn một chiếc lá me rơi xuống trong

khoảng chu vi rất bé của cốc *café*, tôi lại nghĩ về những giòng chữ êm đềm kia. Niềm yêu thích nảy sinh không chỉ riêng vì sự lãng mạn ẩn tàng trong bốn câu thơ ấy, mà còn chính vì nhân vật tạo nên được nỗi lãng mạn lại là một người đã từng sống trong chế độ Cộng Sản ít nhất là 30 năm.

Sài Gòn với những buổi sáng tinh mơ mùa Đông càng được yêu nhiều hơn do từ điểm đó.

Tháng 12, mùa sao sáng lại về. Cánh cửa của kho tàng ký ức có dịp mở ra để đón nhận thêm nhiều xúc cảm băng khuâng. Thời gian của mùa Đông có mùa Xuân phơi thai đầu đó mà một ngày của ba mươi năm trước, tôi đã mở mắt chào đời.

Ba mươi năm với những khúc quanh trong định mệnh, những nước mắt và những thất bại, vậy mà cứ mỗi mùa sao sáng trở lại là tôi không khỏi thấy lòng mình rộn rã, nôn nao. Hạnh phúc như gần hơn qua làn sương mong manh buổi sớm, qua cơn gió vồn vã buổi chiều và qua cái khí lạnh ngọt ngào trên đường khuya trở về mỗi tối. Tất cả những điều này, tôi gom lại thành một chuỗi kỷ niệm như một thứ hành trang đáng giá của đời mình.

Và dẫu rằng mỗi lần trở về Sài Gòn là tôi lại nhìn thấy qua các người thân thêm một chút khó khăn vật chất, nhưng tình cảm luyến lưu dành cho thành phố thân yêu kia vẫn cứ tràn đầy. Những chiếc lá me xanh bay trong gió sớm vẫn gợi lên nhiều mơ màng xúc động, và cốc *café* nơi chiếc quán ngang hông Thư Viện Quốc Gia dẫu có pha mùi xác cau nghiền nát cũng cứ còn làm cho tôi yêu thích, như thuở nào kiên nhẫn ngồi chờ từng giọt màu đen nhẹ nhàng rơi xuống đáy ly.

Khi chiếc lá xa cành

Lá không còn màu xanh...

Nhưng với tôi, *khi chiếc lá xa cành, lá vẫn còn màu xanh*, dù chỉ là màu xanh trong một thoáng cuối cùng nào đó trước khi ngã sang màu úa, tôi vẫn cố bám vào để quý, để thương.

□